

Số: 23 /TB-THPTDPĐA

Đức An, ngày 25 tháng 09 năm 2025

**THÔNG BÁO**

Kết quả xét hỗ trợ chi phí học tập từ tháng 09/2025 đến tháng 12/2025  
Năm học 2025-2026

Căn cứ kết quả xét miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021

Nay trường THPT Phan Đình Phùng – Đức An thông báo kết quả xét học sinh được hỗ trợ chi phí học tập từ tháng 09/2025 đến tháng 12/2025 năm học 2025-2026 đối với các học sinh thuộc diện hộ nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh ở vùng đặc biệt khó khăn cụ thể như sau:

| TT | Họ và tên           | Lớp  | Được<br>hỗ trợ<br>chi phí<br>học tập | Số<br>tháng<br>hưởng | Ghi chú           |
|----|---------------------|------|--------------------------------------|----------------------|-------------------|
| 1  | Nguyễn Thị Mai Anh  | 10A1 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 2  | Nguyễn Thị Ngọc Như | 10A1 | X                                    | 04                   | Hộ nghèo          |
| 3  | Vũ Minh Thăng       | 10A1 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 4  | Điền Hiệp           | 10A3 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 5  | Triệu Phúc Hương    | 10A3 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 6  | H-Su Ry             | 10A4 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 7  | Huỳnh Thị Thiên Ý   | 10A5 | X                                    | 04                   | Hộ nghèo          |
| 8  | Đinh Bạt Phùng      | 10A5 | X                                    | 04                   | Hộ nghèo          |
| 9  | Triệu Ngọc Trung    | 10A5 | X                                    | 04                   | Hộ nghèo          |
| 10 | Lương Hoàng Nam     | 10A5 | X                                    | 04                   | Hộ nghèo          |
| 11 | Vũ Ngọc Quang Vinh  | 10A5 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 12 | H' Chi Hiêng        | 10A5 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 13 | Lê Võ Hoàng Mạnh    | 10A5 | X                                    | 04                   | Hộ nghèo          |
| 14 | Thị Nga Mỹ          | 10A6 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 15 | Thị Huyền Chi       | 10A6 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 16 | Y - Abil            | 10A6 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 17 | Điền Thị Hà Vi      | 10A6 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 18 | Trần Hoài Nam       | 10A6 | X                                    | 04                   | Hộ nghèo          |
| 19 | Điền Anh Hiền       | 10A6 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 20 | Đinh Bạt Nhân       | 11A1 | X                                    | 04                   | Hộ nghèo          |
| 21 | Võ Thị Cẩm Ly       | 11A1 | X                                    | 04                   | Hộ nghèo          |
| 22 | Trần Hoàng Linh Đan | 11A2 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 23 | Đinh Thị Như Quỳnh  | 11A2 | X                                    | 04                   | Hộ nghèo          |
| 24 | H - Son Ny          | 11A3 | X                                    | 04                   | Đặc biệt khó khăn |
| 25 | Hồ Quỳnh Hương      | 11A3 | X                                    | 04                   | Hộ nghèo          |



|    |                          |      |   |    |                   |
|----|--------------------------|------|---|----|-------------------|
| 26 | Y Thị Ngọc Nhi           | 11A3 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 27 | Hoàng Phôn Quân          | 11A3 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 28 | Thị Jâng Kha             | 11A4 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 29 | Trần Nguyễn Phước Nguyễn | 11A4 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 30 | Nguyễn Thị Hoài Thương   | 11A5 | X | 04 | Hộ nghèo          |
| 31 | Nguyễn Nhật Hoàng        | 12A1 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 32 | Trần Anh Tuấn            | 12A1 | X | 04 | Hộ nghèo          |
| 33 | Điền Thị Đơ My           | 12A2 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 34 | Vũ Thị Thuỳ Dung         | 12A3 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 35 | Huỳnh Thị Thiên Nga      | 12A3 | X | 04 | Hộ nghèo          |
| 36 | Trần Thành Quang Sang    | 12A3 | X | 04 | Hộ nghèo          |
| 37 | Điền Thị Thu Hồng        | 12A3 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 38 | Trương Thị Tuyết Như     | 12A3 | X | 04 | Hộ nghèo          |
| 39 | Lê Văn Mạnh              | 12A4 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 40 | Lê Hữu Trung             | 12A4 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 41 | Triệu Văn Dũng           | 12A5 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 42 | Điền Đăng Thái Tú        | 12A5 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 43 | Trần Anh Hoàng           | 12A5 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 44 | Trần Như Trang           | 12A5 | X | 04 | Hộ nghèo          |
| 45 | Trần Bích Trâm           | 12A6 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 46 | Điền Luyện               | 12A6 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |
| 47 | Nguyễn Băng Sao          | 12A6 | X | 04 | Đặc biệt khó khăn |

Trên đây là kết quả xét hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc diện hộ nghèo, học sinh khuyết tật, học sinh ở vùng đặc biệt khó khăn năm học 2025-2026. Vậy trường THPT Phan Đình Phùng – Đức An thông báo để phụ huynh và học sinh được biết. Đề nghị GVCN thông báo rộng rãi tới các học sinh có tên trên.

Nơi nhận:

- Các Phó HT
- GVCN
- Kế toán
- Niêm yết
- Web nhà trường
- Lưu VT



Trần Văn Hiến